

BÁO CÁO
THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI
THEO THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT
NĂM HỌC 2021 - 2022

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”.

Trường THCS Trường Thạnh báo cáo việc thực hiện Quy chế công khai của nhà trường cụ thể như sau:

1. Mục đích - yêu cầu

Thông qua các hoạt động thực hiện quy chế công khai trong trường học nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy quyền làm chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện giám sát các hoạt động theo quy chế dân chủ cơ sở, chấp hành nghiêm túc các quy định của cấp trên.

Phát huy khả năng tự học và tinh thần sáng tạo, năng động trong việc tìm tòi kiến thức để nâng cao trình độ tay nghề.

Tự điều chỉnh kịp thời các sai phạm, hay thiếu sót trong quản lý điều hành của ban giám hiệu, các tổ chức đoàn thể, giáo viên trong nhà trường.

Tạo điều kiện cho xã hội tham gia giám sát, hỗ trợ nhà trường trong công tác giáo dục.

Thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, cụ thể, rõ ràng về nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của Quy chế thực hiện công khai.

2. Thành lập ban chỉ đạo thực hiện qui chế công khai (Có quyết định kèm theo).

Ban chỉ đạo của trường do Hiệu trưởng làm trưởng ban, Phó hiệu trưởng và Chủ tịch công đoàn là các phó ban, trưởng các bộ phận là thành viên của Ban chỉ đạo.

Trường ban tổ chức triển khai, quán triệt nội dung Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT trong Hội đồng sư phạm nhà trường.

Các thành viên trong Ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của Trưởng, Phó ban. Căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư số: 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai theo các biểu mẫu 12, 09, 10, 11.

Báo cáo nội dung : Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục; Công khai thu

chi tài chính. Phải đảm bảo đúng thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh, Phòng Giáo dục và Đào tạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.

Các phó ban và thành viên Thanh tra giúp trưởng ban thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

3. Phân công nhiệm vụ của các thành viên

Trưởng ban: Tổ chức triển khai Thông tư 36 và quy chế công khai vào đầu năm học trước Hội đồng sư phạm và điều hành báo cáo thu chi tài chính.

Phó ban thường trực: Chỉ đạo trực tiếp các thành viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số: 12, 09, 10, 11; tổng hợp chất lượng giáo dục; Tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính.

Phó ban giám sát: Thực hiện chức năng giám sát các cá nhân, đầy đủ hay không; Tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, quy chế làm việc, quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường, bảng tổng hợp chất lượng giáo dục, bảng phân công lao động; Kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo Trưởng ban về tình hình triển khai thực hiện quy chế.

Thư kí: Tổng hợp thông tin báo cáo kết quả thực hiện qui chế. Ghi chép các cuộc họp ban chỉ đạo và hội đồng sư phạm, giúp trưởng ban hoàn thành kế hoạch thực hiện Qui chế công khai.

4. Tổ chức thực hiện

Thông qua Hội nghị giáo viên nhân viên đầu năm

+ Giáo viên đăng ký chất lượng của bộ môn, của lớp và danh hiệu thi đua cá nhân.

+ Tổ chuyên môn đăng ký chất lượng hoạt động của tổ, chất lượng các hội thi, kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục của tổ.

+ Công đoàn, phát động thi đua tạo không khí tích cực học tập, rèn luyện trong đội ngũ cán bộ giáo viên và học sinh.

Tổng hợp chất lượng giáo dục vào cuối học kỳ và cuối năm có so sánh đánh giá phân tích kết quả so với những năm trước để thực hiện công khai.

Thực hiện đánh giá phân loại giáo viên nhân viên hàng năm để thực hiện công khai chất lượng đội ngũ.

5. Các nội dung công khai

5.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a. Cam kết chất lượng giáo dục (Theo Biểu mẫu 09).

b. Chất lượng giáo dục thực tế (Thực hiện theo Biểu mẫu 10).

5.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

a. Cơ sở vật chất (Thực hiện theo Biểu mẫu 11).

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên (Thực hiện theo Biểu mẫu 12).

5.3. Công khai thu chi tài chính

a. Tình hình tài chính

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính có sử dụng các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Công khai tình hình hoạt động tài chính theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao môi trường. Công khai mức thu học phí, lệ phí, các khoản thu khác theo từng năm, số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở giáo dục, các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước.

b. Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức.

c. Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức chi thường xuyên/01 học sinh; chi đầu tư sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

6. Hình thức và thời điểm công khai

Niem yết công khai đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Bất cứ lúc nào, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và ra thông báo công khai được niêm yết tại trường và các khu phố trên địa bàn trước khi tuyển sinh.

Đối với học sinh đang học tại trường: thông báo trên chương trình phát thanh của nhà trường và phổ biến cho cha mẹ học sinh trong các buổi họp cha mẹ học sinh đầu và cuối năm học.

Trên đây là báo cáo thực hiện quy chế công khai năm học 2021 - 2022 của Trường THCS Trường Thạnh./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Các Tổ CM;
- Lưu VT, HT.



UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 12 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO
CAM KẾT CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Điều kiện tuyển sinh	- Tuyển sinh toàn bộ số học sinh trong địa bàn. - Đúng độ tuổi. - Công nhận HTTH. - Khai sinh hợp lệ.			
2	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, UBND thành phố Thủ Đức.			
3	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THCS, học tập và làm theo tám gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao			
4	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học sinh tham gia hoạt động Đội, Đoàn, được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDĐT. Kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong			

		trường và giữa các trường trên địa bàn. - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). - Hưởng ứng và tham gia các phong trào hội thi do Ngành và trường phát động (học sinh giỏi, Hội khỏe Phù đồng, ...).
5	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Hạnh kiểm học sinh: đạt 97,97 % Khá Tốt; - Học tập: phần đầu trên 96,03 % lên lớp thẳng. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh. - Đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh.
6	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Duy trì sĩ số ổn định. - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 96,03%.



Phạm Ngọc Lưu

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 12 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ
NĂM HỌC 2020 - 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1133	291	321	262	259
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	990 87.38	260 89.35	284 88.47	224 85.50	222 85.71
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	120 10.59	26 8.93	31 9.66	31 11.83	32 12.36
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	23 2.03	5 1.72	6 1.87	7 2.87	5 1.93
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1133	291	321	262	259
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	411 36.28	103 35.40	128 39.88	113 43.13	67 25.87
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	375 33.10	95 32.65	92 28.66	87 33.21	101 39
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	299 26.39	81 27.84	83 25.86	46 17.56	89 34.36
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	47 4.15	12 4.12	18 5.61	15 5.73	2 0.77
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.09	0	0	1 0.38	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1133	291	321	262	259
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1088 96.03	280 96.22	304 94.70	247 94.27	257 99.23
a	Học sinh giỏi/HSXS (Thông tư 22)	342	35	127	113	67

	(tỷ lệ so với tổng số)	30.19	12.03	39.56	43.13	25.87
b	HS tiên tiến/ HSG (Thông tư 22) (tỷ lệ so với tổng số)	344 30.36	68 23.37	92 28.66	83 31.68	101 39.00
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	42 3.71	11 3.78	17 5.30	14 5.34	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	23 2.03	4 1,37	10 0,31	7 2,67	2 0.77
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	9/48	1/11	5/18	2/5	1/14
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	5	1	1	2	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	30	7	5	7	11
1	Cấp tỉnh/thành phố	3	0	0	0	3
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	259				259
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	257				257
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	67 25.87				67 25.87
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	101 39.00				101 39.00
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	89 34.36				89 34.36
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0				
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0				

IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	589/544	154/137	158/163	122/140	155/104
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	24	5	4	11	4



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Ngọc Lưu

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 12 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	26	Số m ² / học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	26	1.42m ²
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	4	1.78m ²
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0 m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	1.42m ²
8	Bình quân học sinh/lớp	45/1	1.42m ²
III	Số điểm trường	1	9.20m ²
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.946m ²	11.13m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	650 m ²	0.6 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1584 m ²	1.48 m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	320 m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	220 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (VP, TB) (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (phòng Đoàn - Đội)(m ²)	24 m ²	

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 6	10	1.4
2	Khối lớp 7	11	1.5
3	Khối lớp 8	12	2
4	Khối lớp 9	12	2
5	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	-	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
		50	1
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	23	0.9
2	Cát sét	04	0.15
3	Đầu Video/đầu đĩa	-	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	0.04
5	Thiết bị khác: Máy tính VP, TV, TB...	15	
6	Laptop	1	0.04
7	Máy chiếu	4	
8	Pho to	1	
9	Máy in	8	
10	Nhạc cụ	2	

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	01 (8m ²)
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	0	8/9 phòng (450 m ²)	0	0,38m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				
	Nội dung		Có		Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x			
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x			
XVII	Kết nối internet (ADSL)		x			
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường		x			
XIX	Tường rào xây		x			


HIỆU TRƯỞNG
Phạm Ngọc Lưu

UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG THCS TRƯỜNG THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 12 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI THÔNG TIN
ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN
NĂM HỌC 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp 2021 - 2022			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	45	0	2	31	4	2	6	14	19	0	0	19	14	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	31	0	1	28	2	0	0	2	29	0	0	0	0	0
1	Toán	5	0	0	5	0									
2	Lý	2	0	0	2	0									
3	Hóa	2	0	0	2	0									
4	Sinh	2	0	0	2	0									
5	CN	1	0	0	0	1									
6	Văn	7	0	1	6	0									
7	Sử	3	0	0	3	0									
8	Địa	0	0	0	0	0									
9	GDCD	2	0	0	2	0									
10	Anh	2	0	0	2	0									
11	Nhạc	0	0	0	0	0									
12	MT	1	0	0	0	1									
13	TD	2	0	0	2	0									

14	Tin học	2	0	0	2	0									
II	Cán bộ quản lý	2	0	1	1	0									
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0									
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0									
III	Nhân viên	12	0	0	2	2	2	6							
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1				1									
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	TPT Đội	1			1										
10	Giám thị	1					1								
11	Bảo vệ	3						3							
12	Phục vụ	3						3							


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRƯỜNG THẠNH
Phạm Ngọc Lưu